

Số: 310.../QĐ-ĐHSPKTND

Nam Định, ngày 04 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên ĐHLT K5, ĐHLT K4

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 06/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/03/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-LĐTBXH ngày 19/05/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-ĐHSPKTND ngày 07/07/2010 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy định thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp đợt I - năm 2013 ngày 29/03/013;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng xét tốt nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 387 sinh viên, cụ thể:

- | | |
|-------------------------------|--------|
| 1. Đại học liên thông khóa 5: | 383 SV |
| 2. Đại học liên thông khóa 4: | 04 SV |

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chưa công nhận tốt nghiệp cho 22 sinh viên đại học liên thông khóa 5 vì tổng số tín chỉ, điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa chưa đạt theo quy định (có danh sách kèm theo). Sinh viên được phép học tiếp học kỳ 2, năm học 2012-2013 và làm đơn xin xét tốt nghiệp theo quy định, quy chế.

Điều 3. Các phòng, khoa liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1, Điều 2 thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Khoa: Đ-ĐT, CK, CNTT;
- Phòng: KTTV, CT HS-SV, KT&ĐBCL;
- Lưu VT, Đào tạo (5 bộ).



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG KHÓA 5

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 310/QĐ-ĐHSPKTND ngày 04 tháng 4 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	1162010001	Vũ Thị An	16/04/1987	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin ✓	47	47	2,91	0,00	Không	Khá
2	1162010002	Trần Thị Ngọc Anh	22/06/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,47	0,00	Không	Trung bình
3	1162010003	Trịnh Ngọc Ánh	02/05/1990	Nữ	Hà Giang	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	4,26	Không	Khá
4	1162010004	Nguyễn Thị Bích	19/07/1987	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,34	0,00	Không	Giỏi
5	1162010006	Bùi Xuân Dân	10/11/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,94	0,00	Không	Khá
6	1162010007	Hoàng Thị Diệu	10/07/1990	Nữ	Hà Giang	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,74	0,00	Không	Khá
7	1162010008	Nguyễn Thị Dung	05/09/1984	Nữ	Hải Dương	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,15	0,00	Không	Khá
8	1162010009	Nguyễn Văn Dũng	05/03/1989	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,34	0,00	Không	Trung bình
9	1162010010	Lã Thị Duyên	12/12/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,36	0,00	Không	Giỏi
10	1162010011	Phạm Thị Bích Duyên	17/01/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,57	0,00	Không	Giỏi
11	1162010012	Đỗ Ngọc Thái Dương	11/04/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,47	4,26	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
12	1162010013	Đặng Anh	Đức	23/11/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,55	0,00	Không	Khá
13	1162010014	Hoàng Minh	Đức	30/11/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,38	0,00	Không	Giỏi
14	1162010015	Vũ Anh	Đức	29/07/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,17	0,00	Không	Trung bình
15	1162010016	Đình Việt	Hà	25/11/1989	Nữ	Ninh Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,11	0,00	Không	Khá
16	1162010017	Nguyễn Thị	Hà	23/03/1990	Nữ	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,43	0,00	Không	Giỏi
17	1162010018	Ngô Minh	Hải	06/04/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	4,26	Không	Khá
18	1162010019	Lê Thị	Hiên	15/10/1990	Nữ	Ninh Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,62	0,00	Không	Xuất sắc
19	1162010020	Hoàng Thu	Hiên	09/10/1990	Nữ	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,57	0,00	Không	Giỏi
20	1162010021	Hoàng Thị	Hoa	06/11/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,68	0,00	Không	Khá
21	1162010023	Nguyễn Minh	Hoàng	23/03/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,30	0,00	Không	Giỏi
22	1162010024	Đặng Thị	Huệ	20/10/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,83	0,00	Không	Xuất sắc
23	1162010025	Nguyễn Thị	Huệ	29/05/1990	Nữ	Thái Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,60	0,00	Không	Xuất sắc
24	1162010026	Kiều Thị	Huyền	14/04/1986	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,23	0,00	Không	Trung bình
25	1162010027	Trịnh Thị Thanh	Huyền	10/05/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,51	0,00	Không	Khá
26	1162010028	Trần Tuấn	Hưng	12/02/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,55	0,00	Không	Khá
27	1162010029	Đoàn Thị Thanh	Hương	23/05/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,68	0,00	Không	Xuất sắc
28	1162010030	Nguyễn Thị	Hương	29/08/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,89	0,00	Không	Khá
29	1162010031	Vũ Thị	Hương	07/01/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,02	0,00	Không	Khá
30	1162010032	Đỗ Xuân	Lâm	18/03/1986	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,94	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
31	1162010033	Trần Thị Liên	19/10/1989	Nữ	Thái Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,38	0,00	Không	Giỏi
32	1162010034	Phạm Thị Liễu	24/06/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,45	0,00	Không	Giỏi
33	1162010035	Hoàng Mạnh Linh	23/01/1985	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,72	0,00	Không	Xuất sắc
34	1162010036	Mai Phi Long	21/12/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,74	0,00	Không	Khá
35	1162010037	Trần Văn Long	02/12/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,47	0,00	Không	Trung bình
36	1162010038	Dương Thị Mai	30/06/1989	Nữ	Hải Dương	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,00	0,00	Không	Khá
37	1162010039	Lê Thanh Miên	16/11/1985	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,79	4,26	Không	Khá
38	1162010040	Trần Trà My	25/02/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,28	0,00	Không	Giỏi
39	1162010041	Bùi Thị Kim Ngân	16/01/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,62	0,00	Không	Xuất sắc
40	1162010042	Ngô Thị Ngọc	27/10/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,17	0,00	Không	Khá
41	1162010043	Nguyễn Thị Hồng Như Ngọc	15/06/1989	Nữ	Ninh Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	0,00	Không	Khá
42	1162010044	Vũ Thị Ngọc	15/07/1989	Nữ	Thái Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,45	0,00	Không	Giỏi
43	1162010045	Trần Thị Nhung	16/03/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,13	0,00	Không	Khá
44	1162010046	Nguyễn Thị Ninh	30/04/1984	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,00	0,00	Không	Khá
45	1162010047	Trần Thị Thuý	28/01/1990	Nữ	TP. Hà Nội	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,23	0,00	Không	Giỏi
46	1162010048	Đàm Thị Mai Phương	17/05/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,94	0,00	Không	Khá
47	1162010049	Đặng Minh Quân	20/11/1990	Nam	TP. Hà Nội	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,49	0,00	Không	Trung bình
48	1162010050	Phạm Thị Quyên	07/09/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,74	0,00	Không	Khá
49	1162010051	Đào Xuân Sách	11/02/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,49	0,00	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
50	1162010052	Vũ Văn	Sáng	30/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,17	0,00	Không	Trung bình
51	1162010053	Lê Mạnh	Son	24/09/1988	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,40	0,00	Không	Giỏi
52	1162010054	Trương Xuân	Tấn	18/12/1988	Nam	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,60	0,00	Không	Xuất sắc
53	1162010055	Nguyễn Giang	Thanh	20/05/1989	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,04	4,26	Không	Trung bình
54	1162010056	Trần Phương	Thảo	04/04/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,57	0,00	Không	Khá
55	1162010057	Vũ Thị	Thảo	07/10/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,70	0,00	Không	Khá
56	1162010058	Đào Xuân	Thìn	28/11/1988	Nam	Nghệ An	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,64	0,00	Không	Khá
57	1162010059	Ngô Xuân	Thọ	05/11/1988	Nam	Thái Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,51	0,00	Không	Khá
58	1162010060	Phạm Thị	Thoa	03/07/1987	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,68	0,00	Không	Xuất sắc
59	1162010061	Trần Lệ	Thu	03/02/1989	Nữ	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,66	0,00	Không	Khá
60	1162010062	Phạm Thu	Thủy	15/08/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,60	0,00	Không	Khá
61	1162010063	Phạm Thị	Toan	01/12/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,85	0,00	Không	Khá
62	1162010064	Tạ Văn	Trãi	06/12/1990	Nam	Hải Dương	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	0,00	Không	Khá
63	1162010065	Mai Thị	Trang	18/07/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,57	0,00	Không	Giỏi
64	1162010066	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/07/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,36	0,00	Không	Giỏi
65	1162010067	Nguyễn Văn	Trường	23/08/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,57	0,00	Không	Khá
66	1162010068	Trần Anh	Tuấn	22/09/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,64	0,00	Không	Khá
67	1162010069	Trần Hữu	Tuấn	18/05/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,49	0,00	Không	Giỏi
68	1162010070	Trần Thế	Tùng	14/02/1986	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,53	0,00	Không	Khá

BẢNG
C
HUYẾT
H

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
69	1162010071	Lê Hồng	Tuyên	28/10/1988	Nam	Thái Bình	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	0,00	Không	Khá
70	1162010072	Đỗ Thị	Vân	06/02/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,02	0,00	Không	Khá
71	1162010074	Bùi Thị	Xuân	20/03/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,51	0,00	Không	Giỏi
72	1162010075	Trần Thế	Anh	27/10/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,79	0,00	Không	Khá
73	1162010076	Vũ Thị Kim	Anh	23/05/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,00	0,00	Không	Khá
74	1162010077	Nguyễn Quốc	Bảo	22/09/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,68	0,00	Không	Khá
75	1162010078	Hoàng Thị	Bình	07/09/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,11	0,00	Không	Khá
76	1162010079	Bùi Văn	Chung	25/11/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,79	0,00	Không	Khá
77	1162010080	Đinh Thị	Dung	15/11/1990	Nữ	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,09	0,00	Không	Khá
78	1162010081	Đặng Ngọc	Dũng	04/01/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,34	0,00	Không	Trung bình
79	1162010082	Trần Anh	Dũng	28/11/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,28	0,00	Không	Trung bình
80	1162010083	Nguyễn Ngọc	Duy	02/02/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,72	0,00	Không	Khá
81	1162010085	Đoàn Thị	Duyên	05/10/1987	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,45	0,00	Không	Trung bình
82	1162010086	Nguyễn Thị	Duyên	15/04/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,74	0,00	Không	Xuất sắc
83	1162010087	Trần Thị	Duyên	24/01/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,30	0,00	Không	Giỏi
84	1162010088	Vũ Tuấn	Đạt	20/02/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,38	0,00	Không	Trung bình
85	1162010089	Đoàn Ngọc	Độ	23/07/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,87	0,00	Không	Khá
86	1162010090	Trần Việt	Đức	08/04/1986	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,26	0,00	Không	Giỏi
87	1162010091	Lê Thị	Hà	23/12/1990	Nữ	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,87	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
88	1162010092	Lã Thanh Hải	01/10/1990	Nam	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,13	0,00	Không	Trung bình
89	1162010093	Hoàng Thị Hằng	02/09/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,70	0,00	Không	Xuất sắc
90	1162010094	Đinh Thị Hiền	24/03/1988	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,81	0,00	Không	Xuất sắc
91	1162010095	Nguyễn Thị Hiền	02/02/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,87	0,00	Không	Xuất sắc
92	1162010096	Bùi Công Hoà	16/01/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,40	4,26	Không	Trung bình
93	1162010097	Thái Thanh Hoà	08/07/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,09	0,00	Không	Khá
94	1162010098	Đoàn Văn Huân	14/11/1988	Nam	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin ✓	47	47	2,55	0,00	Không	Khá
95	1162010099	Tô Thị Huế	24/04/1989	Nữ	Thái Bình	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,36	0,00	Không	Giỏi
96	1162010100	Ngô Thị Huệ	05/11/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,36	0,00	Không	Giỏi
97	1162010101	Vũ Thị Huệ	23/10/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,32	0,00	Không	Giỏi
98	1162010102	Đặng Thị Thanh Hương	01/02/1990	Nữ	Thái Bình	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,87	0,00	Không	Khá
99	1162010103	Nguyễn Thị Hương	20/04/1989	Nữ	Ninh Bình	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,13	0,00	Không	Khá
100	1162010104	Phạm Thị Thu Hương	05/11/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,96	0,00	Không	Khá
101	1162010105	Vũ Thuý Hương	07/01/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,32	0,00	Không	Giỏi
102	1162010106	Vũ Thị Hường	19/02/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,02	0,00	Không	Khá
103	1162010107	Trần Ngọc Khánh	08/05/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	0,00	Không	Khá
104	1162010108	Trần Thị Lành	16/01/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,09	0,00	Không	Khá
105	1162010109	Nguyễn Đức Lâm	28/11/1984	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,77	0,00	Không	Khá
106	1162010110	Nguyễn Thị Liễu	06/07/1986	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,55	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
107	1162010111	Đới Tùng	Linh	15/05/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,68	0,00	Không	Xuất sắc
108	1162010112	Tổng Thị Ngọc	Linh	27/04/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,72	0,00	Không	Khá
109	1162010113	Mã Thị	Loan	16/09/1988	Nữ	Ninh Bình	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,70	0,00	Không	Xuất sắc
110	1162010114	Trần Hoàng	Long	08/04/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	0,00	Không	Khá
111	1162010115	Phạm Thị	Lụa	01/09/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,13	0,00	Không	Khá
112	1162010116	Đỗ Quốc	Lưu	05/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,87	0,00	Không	Khá
113	1162010117	Lưu Thị Tuyết	Mai	08/03/1990	Nữ	Thanh Hóa	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,40	0,00	Không	Giỏi
114	1162010119	Hoàng Thị Tuyết	Ngân	05/06/1989	Nữ	Quảng Ninh	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,34	0,00	Không	Trung bình
115	1162010121	Trần Thị	Ngọc	20/01/1987	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,98	0,00	Không	Khá
116	1162010122	Đinh Thị	Nhinh	14/08/1990	Nữ	Ninh Bình	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,66	0,00	Không	Xuất sắc
117	1162010123	Nguyễn Thị	Nụ	01/04/1988	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,40	0,00	Không	Giỏi
118	1162010124	Hoàng Lê	Phương	27/10/1990	Nam	Hòa Bình	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,43	0,00	Không	Trung bình
119	1162010125	Vũ Minh	Quang	20/04/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,83	0,00	Không	Khá
120	1162010126	Trần Thị	Quỳnh	20/06/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,51	0,00	Không	Giỏi
121	1162010127	Trần Quang	Son	25/03/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,66	0,00	Không	Khá
122	1162010128	Phạm Thị Thanh	Tâm	12/09/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,06	0,00	Không	Khá
123	1162010129	Nguyễn Thị	Thái	13/03/1988	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,04	0,00	Không	Khá
124	1162010130	Trịnh Duy	Thành	19/11/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,13	4,26	Không	Trung bình
125	1162010131	Trần Thị	Thảo	09/09/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,11	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
126	1162010132	Đinh Thị	Thêu	10/10/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,49	0,00	Không	Giỏi
127	1162010133	Mai Đức	Thọ	28/10/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,00	0,00	Không	Khá
128	1162010134	Nguyễn Thị	Thoa	05/01/1988	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,79	0,00	Không	Xuất sắc
129	1162010135	Ngô Thị	Thu	06/02/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,34	0,00	Không	Giỏi
130	1162010136	Đinh Thị	Thuyền	20/08/1987	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,49	0,00	Không	Giỏi
131	1162010137	Bùi Thị Thanh	Thủy	12/07/1988	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,34	8,51	Không	Trung bình
132	1162010138	Vũ Thị Thanh	Thủy	26/02/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,04	0,00	Không	Khá
133	1162010139	Phạm Thị	Thương	03/07/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,47	0,00	Không	Giỏi
134	1162010140	Phạm Đức	Toàn	25/09/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,30	8,51	Không	Trung bình
135	1162010141	Nguyễn Thủy	Trang	01/07/1990	Nữ	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,40	0,00	Không	Giỏi
136	1162010142	Trần Đức	Trang	14/10/1988	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,45	8,51	Không	Trung bình
137	1162010143	Trần Thị Thu	Trang	12/02/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,40	0,00	Không	Giỏi
138	1162010145	Nguyễn Mạnh	Tuấn	08/06/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	0,00	Không	Khá
139	1162010148	Đinh Đức	Tuyển	13/01/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,26	0,00	Không	Giỏi
140	1162010149	Trần Thị	Tươi	13/04/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,26	0,00	Không	Giỏi
141	1162010150	Giáp Thị Hoài	Vân	03/10/1989	Nữ	Bắc Giang	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,49	0,00	Không	Giỏi
142	1162010151	Đặng Thái	Việt	03/03/1989	Nam	Thái Bình	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	2,91	0,00	Không	Khá
143	1162010152	Phạm Thị	Vui	13/01/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	3,91	0,00	Không	Xuất sắc
144	1162020001	Lương Sơn	Bá	19/08/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,98	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
145	1162020002	Ngô Văn	Bắc	29/12/1989	Nam	Thái Bình	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	3,15	0,00	Không	Khá
146	1162020003	Vũ Văn	Cảnh	19/08/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,87	0,00	Không	Khá
147	1162020004	Quách Văn	Chí	07/05/1987	Nam	Hòa Bình	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,98	0,00	Không	Khá
148	1162020005	Đặng Văn	Công	30/04/1986	Nam	Thái Bình	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,94	0,00	Không	Khá
149	1162020006	Nguyễn Tuấn	Doanh	26/07/1987	Nam	Phú Thọ	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,79	0,00	Không	Khá
150	1162020007	Chu Minh	Dương	24/04/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,34	0,00	Không	Trung bình
151	1162020008	Phạm Văn	Độ	04/04/1984	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,60	0,00	Không	Khá
152	1162020009	Nguyễn Văn	Hào	15/09/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,79	0,00	Không	Khá
153	1162020010	Lê Quốc	Hoàng	05/11/1989	Nam	Ninh Bình	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,87	0,00	Không	Khá
154	1162020011	Bùi Quốc	Huy	14/11/1990	Nam	Hà Nam	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,32	0,00	Không	Trung bình
155	1162020012	Vũ Quang	Huy	03/11/1990	Nam	Quảng Ninh	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,51	0,00	Không	Khá
156	1162020013	Đỗ Văn	Hung	06/07/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	3,26	0,00	Không	Giỏi
157	1162020014	Phạm Văn	Khang	02/10/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	3,00	0,00	Không	Khá
158	1162020015	Hoàng Thị Kim	Lan	05/11/1988	Nữ	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	3,26	0,00	Không	Giỏi
159	1162020016	Trần Hồng	Lâm	15/09/1979	Nam	Hà Nam	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,85	0,00	Không	Khá
160	1162020017	Bùi Như	Lập	02/06/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	3,43	0,00	Không	Giỏi
161	1162020018	Tổng Xuân	Lập	23/10/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,89	0,00	Không	Khá
162	1162020020	Nguyễn Anh	Lương	17/06/1987	Nam	Yên Bái	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,85	0,00	Không	Khá
163	1162020021	Hoàng Thị	Lựu	15/11/1983	Nữ	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	3,17	0,00	Không	Khá

3 B
NG
OC
THU
NH

9

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
164	1162020022	Nguyễn Văn	Nam	02/03/1989	Nam	Thái Bình	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	3,26	0,00	Không	Giỏi
165	1162020023	Tăng Văn	Nam	19/01/1990	Nam	Nghệ An	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,94	0,00	Không	Khá
166	1162020024	Trần Sơn	Nam	06/08/1990	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,83	0,00	Không	Khá
167	1162020025	Trần Văn	Nam	20/05/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,79	0,00	Không	Khá
168	1162020026	Trần Thị Ánh	Nguyệt	03/05/1977	Nữ	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	3,40	0,00	Không	Giỏi
169	1162020027	Nguyễn Văn	Nhật	23/09/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	3,23	0,00	Không	Giỏi
170	1162020028	Nguyễn Xuân	Ninh	02/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	3,06	0,00	Không	Khá
171	1162020030	Nguyễn Duy	Quân	02/01/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,64	0,00	Không	Khá
172	1162020031	Đặng Tiến	Quyết	14/01/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	3,02	0,00	Không	Khá
173	1162020032	Đặng Tuấn	Tài	04/05/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,89	0,00	Không	Khá
174	1162020034	Đào Văn	Thành	27/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,79	0,00	Không	Khá
175	1162020035	Vũ Văn	Thành	09/09/1989	Nam	Ninh Bình	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	3,28	0,00	Không	Giỏi
176	1162020036	Nguyễn Văn	Thị	04/02/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,64	0,00	Không	Khá
177	1162020037	Trần Ngọc	Thịnh	03/06/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,87	0,00	Không	Khá
178	1162020038	Lại Thu	Thủy	26/12/1990	Nữ	Hà Nam	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,89	0,00	Không	Khá
179	1162020039	Dương Văn	Trường	16/02/1988	Nam	Hòa Bình	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,91	0,00	Không	Khá
180	1162020040	Lê Huy	Trường	01/09/1990	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	3,36	0,00	Không	Giỏi
181	1162020041	Trần Xuân	Trường	03/06/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,79	0,00	Không	Khá
182	1162020042	Nguyễn Viết	Tú	30/10/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,38	0,00	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
183	1162020043	Mai Anh	Tuấn	12/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,81	0,00	Không	Khá
184	1162020044	Nguyễn Thị	Tươi	28/06/1990	Nữ	Thái Bình	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	3,38	0,00	Không	Giỏi
185	1162020045	Trần Quốc	Việt	02/09/1989	Nam	Hung Yên	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,98	0,00	Không	Khá
186	1162030001	Nguyễn Đình	Anh	25/10/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,36	0,00	Không	Trung bình
187	1162030002	Nguyễn Duy	Ba	14/09/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,51	0,00	Không	Khá
188	1162030003	Vũ Ngọc	Châm	14/01/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,40	0,00	Không	Trung bình
189	1162030004	Phạm Văn	Chiến	01/04/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,74	0,00	Không	Khá
190	1162030005	Nguyễn Văn	Chung	17/09/1989	Nam	Bắc Ninh	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,98	0,00	Không	Khá
191	1162030006	Nguyễn Văn	Công	07/10/1982	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,83	0,00	Không	Khá
192	1162030007	Nguyễn Quốc	Cường	21/07/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,23	0,00	Không	Giỏi
193	1162030008	Nhâm Mạnh	Cường	20/04/1987	Nam	Thái Bình	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,72	0,00	Không	Khá
194	1162030009	Lê Đại	Dương	22/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,91	0,00	Không	Khá
195	1162030010	Trần Văn	Dương	23/12/1990	Nam	Hà Nam	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,06	0,00	Không	Khá
196	1162030011	Phạm Văn	Điệp	12/09/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,62	0,00	Không	Khá
197	1162030012	Vũ Văn	Định	26/03/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,89	0,00	Không	Khá
198	1162030013	Nguyễn Văn	Đô	05/08/1986	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,21	0,00	Không	Giỏi
199	1162030014	Trần Đình	Đông	10/12/1990	Nam	Hà Nam	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,38	0,00	Không	Giỏi
200	1162030015	Lê Văn	Giang	15/09/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,04	0,00	Không	Khá
201	1162030016	Nguyễn Thị	Hoài	16/09/1988	Nữ	Thái Bình	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,21	0,00	Không	Giỏi

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
202	1162030017	Đoàn Huy	Hoàng	20/02/1986	Nam	Hà Nam	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,32	0,00	Không	Giỏi
203	1162030018	Phạm Quốc	Hồng	19/06/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,13	0,00	Không	Khá
204	1162030019	Hoàng Thị	Huệ	05/07/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,13	0,00	Không	Khá
205	1162030020	Trần Đức	Huy	01/10/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,57	0,00	Không	Khá
206	1162030021	Nguyễn Đình	Hung	10/06/1986	Nam	Hà Nam	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,23	0,00	Không	Giỏi
207	1162030022	Đỗ Thị Thanh	Hương	20/03/1990	Nữ	Quảng Ninh	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,87	0,00	Không	Khá
208	1162030023	Nghiêm Thị Thu	Hương	01/10/1988	Nữ	Thái Bình	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,30	0,00	Không	Giỏi
209	1162030024	Triệu Thị	Hường	01/10/1989	Nữ	Lạng Sơn	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,21	0,00	Không	Giỏi
210	1162030025	Trần Quốc	Hường	06/08/1986	Nam	Nam Định	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,81	0,00	Không	Khá
211	1162030026	Vũ Văn	Lâm	02/07/1991	Nam	Nam Định	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,83	0,00	Không	Khá
212	1162030027	Vũ Văn	Long	18/08/1988	Nam	Ninh Bình	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,85	0,00	Không	Khá
213	1162030028	Phạm Anh	Lộc	12/12/1987	Nam	Ninh Bình	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,04	0,00	Không	Khá
214	1162030029	Trần Văn	Minh	26/03/1984	Nam	Hà Nam	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,36	0,00	Không	Giỏi
215	1162030030	Dương Văn	Phong	14/07/1990	Nam	Hải Dương	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,36	0,00	Không	Giỏi
216	1162030031	Trần Hạnh	Phúc	26/09/1981	Nam	Nam Định	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,89	0,00	Không	Khá
217	1162030032	Bùi Thiện	Thắng	06/06/1981	Nam	Nam Định	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,47	0,00	Không	Trung bình
218	1162030033	Mai Xuân	Thắng	13/05/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,98	0,00	Không	Khá
219	1162030034	Trần Duy	Thắng	16/06/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,89	0,00	Không	Khá
220	1162030035	Trần Chí	Thiệt	03/05/1984	Nam	Nam Định	ĐLC - KTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,28	0,00	Không	Giỏi

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
221	1162030036	Lại Hoàng	Thời	13/04/1988	Nam	Thái Bình	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,81	0,00	Không	Khá
222	1162030037	Vũ Thu	Trang	04/08/1990	Nữ	Ninh Bình	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,43	0,00	Không	Giỏi
223	1162030038	Phạm Văn	Triều	26/07/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,81	0,00	Không	Khá
224	1162030039	Trần Doãn	Trung	18/09/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	3,36	0,00	Không	Giỏi
225	1162030040	Trần Ngọc	Trung	14/08/1985	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,83	0,00	Không	Khá
226	1162030041	Bùi Văn	Trưởng	24/01/1989	Nam	Ninh Bình	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,85	0,00	Không	Khá
227	1162030042	Đỗ Thế	Vinh	27/05/1988	Nam	Hà Nam	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,98	0,00	Không	Khá
228	1162030043	Nguyễn Thành	Vinh	20/10/1987	Nam	Hà Nam	ĐLC - KTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện)	47	47	2,79	0,00	Không	Khá
229	1162040001	Đỗ Thị Phương	Anh	06/06/1990	Nữ	Thanh Hóa	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,09	0,00	Không	Khá
230	1162040002	Phạm Thế	Anh	02/03/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,98	0,00	Không	Khá
231	1162040003	Trần Thị Ngọc	Anh	04/12/1989	Nữ	Hà Giang	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,96	0,00	Không	Khá
232	1162040004	Trần Tuấn	Anh	27/04/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,00	0,00	Không	Khá
233	1162040005	Vũ Văn	Chính	30/04/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,81	0,00	Không	Khá
234	1162040006	Nguyễn Đức	Chính	09/11/1989	Nam	Hà Tĩnh	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,02	0,00	Không	Khá
235	1162040007	Vũ Văn	Chính	22/01/1983	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,87	0,00	Không	Khá
236	1162040008	Ngô Minh	Chung	26/10/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,74	0,00	Không	Khá
237	1162040009	Trần Hữu	Chung	25/10/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,74	0,00	Không	Khá
238	1162040010	Hoàng Văn	Chương	15/10/1989	Nam	Nghệ An	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,81	0,00	Không	Khá
239	1162040011	Trần Văn	Công	25/03/1990	Nam	Hà Nam	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,04	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
240	1162040012	Nguyễn Văn Diện	19/05/1990	Nam	TP. Hà Nội	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,49	0,00	Không	Giỏi
241	1162040013	Bùi Văn Dự	14/12/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,64	0,00	Không	Khá
242	1162040014	Trần Việt Đại	18/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,94	0,00	Không	Khá
243	1162040015	Ninh Xuân Đông	25/05/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,40	0,00	Không	Giỏi
244	1162040016	Hoàng Hữu Hà	15/09/1988	Nam	Hà Tĩnh	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,57	0,00	Không	Khá
245	1162040017	Phạm Văn Hà	06/12/1989	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,96	0,00	Không	Khá
246	1162040018	Nguyễn Thị Hải	01/08/1983	Nữ	Thái Bình	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,34	0,00	Không	Giỏi
247	1162040019	Vũ Ngọc Hân	10/04/1990	Nam	Ninh Bình	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,89	0,00	Không	Khá
248	1162040020	Nguyễn Trung Hiếu	26/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,83	0,00	Không	Khá
249	1162040021	Đặng Quang Hiệu	27/03/1990	Nam	Hải Dương	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,34	0,00	Không	Giỏi
250	1162040022	Nguyễn Thị Hoài	06/09/1989	Nữ	Thái Bình	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,47	0,00	Không	Giỏi
251	1162040023	Nguyễn Văn Hội	09/01/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,91	0,00	Không	Khá
252	1162040025	Nguyễn Văn Huân	08/11/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,09	0,00	Không	Khá
253	1162040026	Trần Văn Hùng	24/06/1990	Nam	Hà Nam	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,98	0,00	Không	Khá
254	1162040027	Lê Quang Long	14/04/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,96	0,00	Không	Khá
255	1162040028	Lưu Quang Long	28/11/1989	Nam	Thái Bình	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,68	0,00	Không	Khá
256	1162040029	Ninh Đức Long	26/06/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,57	0,00	Không	Khá
257	1162040030	Đinh Trọng Lũy	25/10/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,91	0,00	Không	Khá
258	1162040031	Trần Ngọc Mạnh	04/07/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,94	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
259	1162040032	Nguyễn Hữu	Mừng	30/10/1988	Nam	Bắc Ninh	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,09	0,00	Không	Khá
260	1162040033	Nguyễn Đức	Nam	05/08/1990	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,66	0,00	Không	Khá
261	1162040034	Trần Công	Nam	17/07/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,81	0,00	Không	Khá
262	1162040035	Trần Văn	Nam	05/10/1982	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,62	0,00	Không	Khá
263	1162040036	Trần Mạnh	Nghĩa	01/11/1979	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,70	0,00	Không	Khá
264	1162040037	Lê Thành	Phước	30/03/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,55	0,00	Không	Khá
265	1162040039	Đỗ Đình	Sướng	22/10/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,49	0,00	Không	Trung bình
266	1162040040	Bùi Văn	Thiện	20/11/1982	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,09	0,00	Không	Khá
267	1162040041	Đặng Thị	Thúy	04/03/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,00	0,00	Không	Khá
268	1162040042	Nguyễn Anh	Tiến	31/01/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,51	0,00	Không	Khá
269	1162040043	Trần Quang	Tiến	22/11/1990	Nam	Nghệ An	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,62	0,00	Không	Khá
270	1162040045	Phạm Thành	Trung	29/01/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,70	0,00	Không	Khá
271	1162040046	Đặng Văn	Tuấn	09/06/1988	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,77	0,00	Không	Khá
272	1162040047	Nguyễn Minh	Tuấn	05/10/1982	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,85	0,00	Không	Khá
273	1162040048	Nguyễn Thanh	Tùng	10/09/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,74	0,00	Không	Khá
274	1162040049	Lê Đắc	Vinh	30/07/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐKTĐ 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,17	0,00	Không	Khá
275	1162050001	Trần Khắc	Ba	08/02/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,33	0,00	Không	Trung bình
276	1162050002	Hà Xuân	Bách	26/01/1988	Nam	Thái Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,24	0,00	Không	Trung bình
277	1162050003	Nguyễn Văn	Bình	22/10/1986	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,28	0,00	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
278	1162050004	Đặng Văn	Chiên	01/03/1986	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,24	0,00	Không	Trung bình
279	1162050005	Nguyễn Văn	Cương	20/02/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,54	0,00	Không	Khá
280	1162050006	Đặng Văn	Cường	17/03/1990	Nam	Hưng Yên	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,70	0,00	Không	Khá
281	1162050007	Nguyễn Như	Cường	13/10/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,78	0,00	Không	Khá
282	1162050009	Vũ Đức	Duẩn	09/06/1986	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,41	0,00	Không	Giỏi
283	1162050010	Nguyễn Tiến	Dũng	07/09/1984	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,89	0,00	Không	Khá
284	1162050011	Trịnh Quang	Dũng	22/11/1985	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,89	0,00	Không	Khá
285	1162050013	Phạm Văn	Dưỡng	13/01/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,15	0,00	Không	Trung bình
286	1162050015	Phạm Xuân	Đình	15/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,80	0,00	Không	Khá
287	1162050017	Đỗ Văn	Đù	16/11/1989	Nam	Hưng Yên	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,50	0,00	Không	Khá
288	1162050018	Trần Nhật	Đức	09/01/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,15	0,00	Không	Khá
289	1162050019	Nguyễn Văn	Đương	08/02/1988	Nam	Thái Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,37	0,00	Không	Trung bình
290	1162050020	Đào Mạnh	Hà	10/09/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,70	0,00	Không	Khá
291	1162050021	Đặng Trần	Hải	05/11/1986	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,54	0,00	Không	Khá
292	1162050022	Nguyễn Công	Hải	03/02/1989	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,70	0,00	Không	Khá
293	1162050023	Đặng Hữu	Hiếu	07/03/1989	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,65	0,00	Không	Khá
294	1162050024	Cao Mạnh	Hùng	14/04/1976	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,59	0,00	Không	Khá
295	1162050025	Nguyễn Tiến	Hùng	17/03/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,85	0,00	Không	Khá
296	1162050026	Phùng Văn	Hùng	14/01/1990	Nam	Hà Nam	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,41	0,00	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
297	1162050027	Tạ Quốc	Hung	12/02/1990	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,09	0,00	Không	Khá
298	1162050028	Nguyễn Tuấn	Khanh	13/10/1986	Nam	Thái Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,20	0,00	Không	Trung bình
299	1162050029	Trần Công	Linh	19/06/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,11	0,00	Không	Trung bình
300	1162050030	Mai Văn	Long	27/03/1988	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,43	0,00	Không	Trung bình
301	1162050031	Phạm Khánh	Long	24/09/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,67	0,00	Không	Khá
302	1162050032	Lưu Văn	Lượng	10/12/1988	Nam	Thái Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,09	0,00	Không	Khá
303	1162050034	Kiều Văn	Nam	10/05/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,30	0,00	Không	Trung bình
304	1162050035	Trần Văn	Nam	09/03/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,39	0,00	Không	Trung bình
305	1162050036	Vũ Đình	Nam	08/03/1985	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,30	0,00	Không	Trung bình
306	1162050037	Đặng Hoàng	Nghiệp	11/10/1988	Nam	Hà Nam	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,83	0,00	Không	Khá
307	1162050038	Nguyễn Công	Nghiệp	17/07/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,35	0,00	Không	Trung bình
308	1162050039	Nguyễn Phú	Oai	09/12/1989	Nam	TP. Hà Nội	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,43	0,00	Không	Trung bình
309	1162050040	Phạm Văn	Phiên	20/05/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,46	0,00	Không	Trung bình
310	1162050041	Mai Xuân	Phú	15/02/1988	Nam	Thái Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,46	0,00	Không	Trung bình
311	1162050042	Phạm Văn	Quảng	07/09/1990	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,76	0,00	Không	Khá
312	1162050043	Vũ Thế	Quyền	22/09/1989	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,46	0,00	Không	Trung bình
313	1162050044	Ninh Trọng	Quyết	02/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,61	0,00	Không	Khá
314	1162050045	Nguyễn Văn	Sáng	07/06/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,35	0,00	Không	Trung bình
315	1162050046	Trần Văn	Sáng	25/06/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,37	0,00	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
316	1162050047	Nguyễn Văn Tam	26/08/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,13	0,00	Không	Trung bình
317	1162050049	Nguyễn Văn Tân	10/10/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,67	0,00	Không	Khá
318	1162050051	Nguyễn Văn Thành	14/05/1978	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,85	0,00	Không	Khá
319	1162050052	Phạm Văn Thế	28/09/1990	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,50	0,00	Không	Khá
320	1162050053	Đoàn Văn Toàn	08/05/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,57	0,00	Không	Khá
321	1162050054	Trần Văn Toàn	15/02/1987	Nam	Hung Yên	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,61	0,00	Không	Khá
322	1162050055	Hoàng Thị Trang	20/10/1990	Nữ	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,41	0,00	Không	Giỏi
323	1162050056	Nguyễn Văn Tú	14/09/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,52	0,00	Không	Khá
324	1162050057	Nguyễn Văn Tuấn	24/10/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,04	0,00	Không	Trung bình
325	1162050059	Hoàng Đức Tuyển	08/04/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,59	0,00	Không	Khá
326	1162050060	Lê Anh Trường	09/10/1990	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,24	0,00	Không	Giỏi
327	1162050062	Trịnh Thái Vượng	08/02/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,74	0,00	Không	Khá
328	1162060001	Hoàng Ngọc Chiến	10/01/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,15	0,00	Không	Trung bình
329	1162060002	Trần Quốc Chính	17/03/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,89	0,00	Không	Khá
330	1162060003	Nguyễn Văn Công	19/06/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,80	0,00	Không	Khá
331	1162060004	Trần Văn Đình	17/02/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	3,22	0,00	Không	Giỏi
332	1162060005	Nguyễn Mạnh Đoàn	07/01/1985	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,63	0,00	Không	Khá
333	1162060006	Mai Thế Đông	02/06/1985	Nam	Nam Định	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	3,20	0,00	Không	Giỏi
334	1162060007	Lại Văn Hải	28/10/1985	Nam	Nam Định	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	3,46	0,00	Không	Giỏi

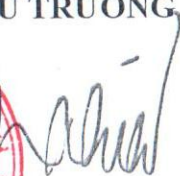
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
335	1162060008	Phạm Trung	Hiếu	18/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,63	0,00	Không	Khá
336	1162060009	Trần Mạnh	Hoà	24/10/1981	Nam	Hà Tĩnh	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,70	0,00	Không	Khá
337	1162060010	Phạm Thị Thu	Huyền	04/09/1980	Nữ	Quảng Bình	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	3,30	0,00	Không	Giỏi
338	1162060011	Lê Văn	Luyến	05/10/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,63	0,00	Không	Khá
339	1162060012	Nguyễn Văn	Nghiêm	10/10/1988	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,85	0,00	Không	Khá
340	1162060013	Nguyễn Duy	Phong	27/08/1990	Nam	Quảng Ninh	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,70	0,00	Không	Khá
341	1162060014	Trần Bá	Thường	01/10/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,98	0,00	Không	Khá
342	1162060015	Nguyễn Xuân	Trường	31/07/1987	Nam	Thái Bình	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,30	0,00	Không	Trung bình
343	1162060016	Vũ Văn	Trường	05/06/1987	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,63	0,00	Không	Khá
344	1162060017	Đinh Minh	Tuấn	23/07/1982	Nam	Nam Định	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,80	0,00	Không	Khá
345	1162060018	Trần Văn	Vững	20/07/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	2,11	0,00	Không	Trung bình
346	1162060019	Lê Đức	Xuân	23/05/1989	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CK 5	2011	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CN Công nghệ hàn)	46	46	3,04	0,00	Không	Khá
347	1162070001	Nguyễn Xuân	Bách	03/11/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,30	0,00	Không	Trung bình
348	1162070002	Lã Ngọc	Chí	01/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,61	0,00	Không	Khá
349	1162070003	Nguyễn Văn	Chiến	02/09/1985	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,52	0,00	Không	Khá
350	1162070004	Phạm Văn	Chinh	18/09/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,74	0,00	Không	Khá
351	1162070006	Phan Ngọc	Cường	23/04/1989	Nam	Hà Tĩnh	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,59	0,00	Không	Khá
352	1162070007	Quách Quang	Dũng	22/02/1988	Nam	Ninh Bình	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,91	0,00	Không	Khá
353	1162070008	Nguyễn Xuân	Duy	25/08/1989	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,67	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
354	1162070009	Trần Văn Dương	04/09/1986	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,54	0,00	Không	Khá
355	1162070010	Nguyễn Văn Đại	19/10/1979	Nam	Hà Nam	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,76	0,00	Không	Khá
356	1162070012	Nguyễn Đức Đắc	14/04/1977	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	3,24	0,00	Không	Giỏi
357	1162070013	Nguyễn Ngọc Giang	29/06/1980	Nam	Nghệ An	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	3,37	0,00	Không	Giỏi
358	1162070014	Trần Văn Hiệp	04/03/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,91	0,00	Không	Khá
359	1162070015	Đặng Quốc Hoàn	24/02/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,48	0,00	Không	Trung bình
360	1162070016	Phạm Văn Hoàng	12/07/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,28	0,00	Không	Trung bình
361	1162070017	Phạm Quốc Huy	22/12/1979	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	3,30	0,00	Không	Giỏi
362	1162070018	Phạm Duy Hưng	05/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,83	0,00	Không	Khá
363	1162070019	Phan Đình Hưng	13/12/1990	Nam	Ninh Bình	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,85	0,00	Không	Khá
364	1162070020	Trần Văn Khởi	06/02/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,57	0,00	Không	Khá
365	1162070023	Trần Ngọc Kiên	27/12/1982	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	3,20	0,00	Không	Giỏi
366	1162070024	Đào Ngọc Lâm	24/06/1990	Nam	Hà Nam	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,72	0,00	Không	Khá
367	1162070027	Nguyễn Văn Phi	10/05/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,78	0,00	Không	Khá
368	1162070028	Nguyễn Mạnh Phong	05/05/1987	Nam	Sơn La	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,59	0,00	Không	Khá
369	1162070029	Vũ Duy Quang	27/07/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,26	0,00	Không	Trung bình
370	1162070030	Lê Văn Sơn	14/08/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,61	0,00	Không	Khá
371	1162070032	Bùi Văn Tám	26/08/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	3,04	0,00	Không	Khá
372	1162070033	Hoàng Mạnh Tâm	28/11/1990	Nam	TP. Hà Nội	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,39	0,00	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
373	1162070034	Trần Ngọc	Tâm	05/05/1989	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,24	0,00	Không	Trung bình
374	1162070035	Nguyễn Văn	Thành	21/05/1984	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	3,41	0,00	Không	Giỏi
375	1162070036	Vũ Xuân	Thịnh	04/09/1985	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,39	0,00	Không	Trung bình
376	1162070037	Phan Văn	Thọ	02/07/1989	Nam	Yên Bái	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,87	0,00	Không	Khá
377	1162070038	Đình Lệnh	Thông	20/10/1988	Nam	Ninh Bình	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,76	0,00	Không	Khá
378	1162070039	Trần Công	Thùy	27/03/1976	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,96	0,00	Không	Khá
379	1162070041	Nguyễn Văn	Thượng	27/07/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,63	0,00	Không	Khá
380	1162070043	Trương Xuân	Toán	05/09/1979	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,70	0,00	Không	Khá
381	1162070044	Phạm Đức	Trọng	12/08/1990	Nam	TP. Hà Nội	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,37	0,00	Không	Trung bình
382	1162070045	Bùi Mạnh	Trường	11/06/1980	Nam	Thái Bình	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	3,20	0,00	Không	Giỏi
383	1162070048	Nguyễn Phong	Vũ	06/12/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,61	0,00	Không	Khá

Ấn định danh sách 383 SV

HIỆU TRƯỞNG

★ TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG KHÓA 4

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 310/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 04 tháng 4 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	1062010166	Đoàn Thị Thu	29/11/1986	Nữ	Nam Định	ĐLC - Tin 4	2010	Tin học ứng dụng	47	47	2,11	17,02	Không	Trung bình
2	1062040002	Phạm Tuấn Anh	27/01/1988	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐTĐ 4	2010	Công nghệ tự động	47	47	2,53	0,00	Không	Khá
3	1062030051	Trần Văn Nghĩa	25/03/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 4	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	47	47	2,53	4,26	Không	Khá
4	1062030064	Phạm Việt Thịnh	05/11/1981	Nam	Nam Định	ĐLC - KTĐ 4	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	47	47	2,62	4,26	Không	Khá

Ấn định danh sách 04 SV

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG KHÓA 5

Chưa được công nhận tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 240/QĐ-ĐHSPKTND ngày 04...tháng 4...năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1162010005	Trần Xuân Chiến	03/10/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	45	2,04	8,89	
2	1162010073	Nguyễn Hoàng Việt	16/10/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5A	2011	Công nghệ thông tin	47	45	2,67	8,89	
3	1162010084	Trịnh Văn Duy	12/03/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	47	1,96	8,51	
4	1162010120	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01/06/1990	Nữ	Thái Bình	ĐLC - CNTT 5B	2011	Công nghệ thông tin	47	45	2,40	4,44	
5	1162020019	Trần Văn Long	16/12/1985	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	38	2,58	19,15	
6	1162020029	Trần Minh Phú	19/04/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	45	2,53	4,26	
7	1162020033	Đặng Minh Thanh	07/11/1983	Nam	Hòa Bình	ĐLC - ĐĐT 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CN Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	43	2,49	8,51	
8	1162040024	Trần Văn Hội	19/11/1989	Nam	Thái Bình	ĐLC - ĐKTD 5	2011	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	45	2,69	4,26	
9	1162050008	Lê Văn Doanh	26/09/1986	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	44	2,61	4,35	
10	1162050012	Nguyễn Văn Dương	12/07/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	44	2,34	4,35	
	1162050014	Trần Mạnh Đan	26/07/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	42	2,02	8,70	

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
12	1162050016	Đình Văn	Đoàn	12/04/1986	Nam	Ninh Bình	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	44	2,18	4,35	
13	1162050033	Trịnh Văn	Minh	22/09/1987	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	44	2,20	4,35	
14	1162050048	Đào Quang	Tân	20/12/1990	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	35	1,74	23,91	
15	1162050050	Nguyễn Văn	Thành	05/08/1989	Nam	Thanh Hóa	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	44	1,95	4,35	
16	1162050058	Vũ Huy	Tùng	07/02/1984	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	42	2,40	8,70	
17	1162050061	Nguyễn Huy	Vinh	30/08/1987	Nam	Nam Định	ĐLC - CTM 5	2011	Công nghệ chế tạo máy	46	44	2,75	4,35	
18	1162070005	Hoàng Bái	Công	16/09/1981	Nam	Thái Bình	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	44	1,86	4,35	
19	1162070011	Phạm Thanh	Đam	15/10/1985	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	1,93	0,00	
20	1162070026	Trịnh Văn	Linh	24/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	42	2,05	8,70	
21	1162070031	Nguyễn Văn	Sỹ	10/01/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	41	2,29	10,87	
22	1162070042	Trần Văn	Toàn	25/04/1985	Nam	Thái Bình	ĐLC - Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	44	2,59	4,35	

Ấn định danh sách 22 SV



TS. Phan Sỹ Nghĩa